

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 277/2005/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 02 tháng 11 năm 2005

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng
thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ đến năm 2020**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003 và Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24 tháng 01 năm 2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng;

Xét đề nghị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ tại Tờ trình số 1758/TTr-UBND ngày 09 tháng 9 năm 2005; của Bộ trưởng Bộ Xây dựng tại Tờ trình số 60/TTr-BXD ngày 23 tháng 9 năm 2005 về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ đến năm 2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ đến năm 2020 với những nội dung chủ yếu sau:

1. Phạm vi quy hoạch: khoảng 11.310

ha, bao gồm 7.125,78 ha diện tích đất tự nhiên hiện nay của thành phố và khoảng 4.184 ha thuộc các xã Hy Cương, Chu Hóa, Thanh Đình, Kim Đức, Hùng Lô (thành phố Việt Trì) và xã Tân Đức (mới được sáp nhập từ huyện Ba Vì, tỉnh Hà Tây). Ranh giới được xác định như sau:

- Phía Bắc giáp thị trấn Phong Châu và xã An Đạo, huyện Phù Ninh;
- Phía Đông giáp sông Lô và xã Vĩnh Phú, huyện Phù Ninh;
- Phía Nam giáp sông Hồng;
- Phía Tây giáp xã Thạch Sơn và thị trấn Hùng Sơn, huyện Lâm Thao.

2. Tính chất: Thành phố Việt Trì là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật, công nghiệp, du lịch của tỉnh Phú Thọ; là thành phố lễ hội về với cội nguồn của dân tộc Việt Nam; là đầu mối giao thông quan trọng nối các tỉnh miền núi phía Bắc với các tỉnh đồng bằng Bắc Bộ; có vai trò thúc đẩy phát

triển kinh tế - xã hội của vùng liên tỉnh; có vị trí quan trọng về an ninh quốc phòng.

3. Quy mô dân số

- Đến năm 2010: dân số toàn thành phố khoảng 280.000 người, trong đó nội thành khoảng 200.000 người.

- Đến năm 2020: dân số toàn thành phố khoảng 370.000 người, trong đó nội thành khoảng 280.000 người.

4. Quy mô đất xây dựng

- Đến năm 2010: diện tích đất xây dựng đô thị khoảng 2.047 ha, bình quân 102,4 m²/người, trong đó đất dân dụng khoảng 1.282 ha, bình quân 61,1 m²/người.

- Đến năm 2020: diện tích đất xây dựng đô thị khoảng 3.044 ha, bình quân 108,7 m²/người, trong đó đất dân dụng khoảng 1.850 ha, bình quân 66,1 m²/người.

5. Định hướng phát triển không gian và kiến trúc cảnh quan đô thị

a) Hướng phát triển đô thị

- Phía Bắc và Tây Bắc: phát triển về phía Đền Hùng, bao gồm toàn bộ khu di tích Đền Hùng;

- Phía Đông: phát triển đến sông Lô;

- Phía Nam và Đông Nam: phát triển về phía phường Bạch Hạc.

b) Phân khu chức năng

- Các khu dân cư (khoảng 1.113 ha):

+ Khu ở Tây Nam thành phố (810 ha), quy mô dân số 99.900 người;

+ Khu ở Đông thành phố (318 ha), quy mô dân số 6.800 người;

+ Khu ở tại phường Bạch Hạc (180 ha), quy mô dân số 24.300 người;

+ Khu ở Đông Bắc thành phố (160 ha), quy mô dân số 20.300 người;

+ Khu ở Nam thành phố (183 ha), quy mô dân số 20.300 người;

+ Các khu tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng xây dựng Khu du lịch Văn Lang, Đền Hùng.

- Các khu công nghiệp:

+ Khu công nghiệp phía Nam (120 ha);

+ Khu công nghiệp Minh Phương (45,74 ha);

+ Khu Đô thị - Dịch vụ - Công nghiệp Thụy Vân (khoảng 1.200 ha);

+ Khu công nghiệp Nam Bạch Hạc (71,90 ha);

+ Khu công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp Đông Bắc Bạch Hạc (khoảng 36 ha).

- Các khu thương mại, dịch vụ công cộng (khoảng 140 ha):

+ Trung tâm hành chính chính trị của tỉnh bố trí chủ yếu trên trục đường Nguyễn Tất Thành và trên trục đường Trần Phú

(đoạn từ đường Hùng Vương tới Sở Công an);

+ Trung tâm hành chính, chính trị thành phố được xây dựng trên trục đường Hùng Vương; tại nút A7 xây dựng một quảng trường lớn;

+ Hệ thống chợ được giữ nguyên, việc cải tạo và mở rộng tùy theo yêu cầu của từng khu vực. Trung tâm thương mại (1,56 ha) được xây dựng tại ngã ba đường Hùng Vương và đường Trần Phú;

+ Tại các phường, xã đều có khu trung tâm, gồm các cơ quan hành chính, cơ quan đoàn thể; nhà văn hóa; trung tâm thương mại dịch vụ và sân thể dục thể thao.

- Các trường Đại học, chuyên nghiệp (189,12 ha):

+ Đại học Hùng Vương (100 ha) bố trí tại khu vực xã Văn Phú, phường Nông Trang và phường Dữu Lâu;

+ Các trường dự bị đại học, trung học chuyên nghiệp, dạy nghề được bố trí xung quanh Đại học Hùng Vương.

- Hệ thống y tế: Trung tâm y tế cấp vùng và cấp tỉnh giữ nguyên vị trí hiện nay, gồm: Bệnh viện đa khoa vùng (2,94 ha) trên đường Nguyễn Tất Thành; Bệnh viện y học dân tộc cổ truyền (0,335 ha) tại Gia Cẩm; bệnh viện Sông Hồng (1,227 ha), bệnh viện Tỉnh đội (2 ha).

- Khu điều dưỡng phục hồi chức năng (0,532 ha) tại Tiên Cát; xây dựng khu

điều dưỡng mới ở Đầm Mai quy mô 150 - 200 giường.

- Các khu du lịch:

+ Khu du lịch Văn Lang (113 ha), tại trung tâm thành phố;

+ Khu du lịch Bến Gót, phường Bến Gót;

+ Khu du lịch sinh thái ven sông Lô tại các xã Trưng Vương và Sông Lô;

+ Khu lịch sử văn hóa Đền Hùng (1.000 ha).

- Các khu cây xanh công viên và thể dục thể thao:

+ Khu công viên di tích lịch sử văn hóa Đền Hùng (1.000 ha);

+ Khu du lịch Văn Lang (công viên Văn Lang 113 ha);

+ Xây dựng công viên cây xanh trong các khu công nghiệp Bạch Hạc, Thụy Vân và tăng diện tích cây xanh trong khu công nghiệp Nam Việt Trì;

+ Trung tâm huấn luyện thể dục thể thao của Thành phố tại Bảo Đà (12 ha);

+ Khu công viên nghỉ dưỡng tại Đầm Mai (136 ha).

c) Về kiến trúc và cảnh quan đô thị

- Hạn chế tối đa việc thay đổi địa hình tự nhiên. Cải tạo hồ ao cũ, các vùng trũng, thung lũng nhỏ thành những hồ nước thông nhau để tạo nên những công

viên cây xanh - mặt nước liên hoàn, tạo bản sắc đô thị vùng trung du.

- Khôi phục, tôn tạo các di tích đình, chùa, đền, miếu và di tích lịch sử, danh thắng.

- Các khu phố cũ được chỉnh trang cải tạo, giảm mật độ dân số, tăng diện tích mặt nước và cây xanh cho các khu ở.

- Các công trình công cộng xây dựng hiện đại, kết hợp khai thác bản sắc kiến trúc địa phương.

6. Định hướng quy hoạch phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật

a) Giao thông

- Giao thông đối ngoại:

+ Đường sắt: chuyển đoạn tuyến đường sắt Từ Bạch Hạc đến Đền Hùng về phía Tây Nam, xây dựng mới ga Việt Trì (khoảng 10 ha) và ga Thụy Vân (khoảng 15 ha);

+ Đường thủy: cải tạo nâng cấp cảng Việt Trì, cảng Dữu Lâu; xây dựng bến tàu khách tại Việt Trì và Hùng Lô phục vụ tuyến đường sông đi Hà Nội, Hòa Bình, Tuyên Quang và du khách đến lễ hội Đền Hùng;

+ Đường bộ: tuyến đường xuyên Á chạy phía Bắc thành phố, nhập với quốc lộ 2 tại khu vực ngã ba Hàng, phục vụ giao thông quá cảnh; nâng cấp quốc lộ 2 với quy mô 4 - 6 làn xe, tiêu chuẩn cao tốc; xây dựng bến xe khách tại khu vực

đầu mối giao thông nối kết với đường xuyên Á (phía Tây Bắc thành phố), bến xe tại khu vực ngã 3 quốc lộ 2 với trục Nguyễn Tất Thành (phía Đông Nam thành phố) và bến xe tải tại khu vực ga Thụy Vân;

- Giao thông nội thị:

+ Cải tạo nâng cấp hệ thống đường đã có, kết hợp xây dựng mới tạo thành mạng lưới đường liên hoàn;

+ Xây dựng mới một số tuyến đường song song với đường Hùng Vương và Nguyễn Tất Thành hiện có, kết hợp với các trục ngang tạo thành mạng đường liên kết các khu chức năng của thành phố;

+ Hệ thống điểm đỗ xe: diện tích đất bãi đỗ xe bằng 2,5% đất xây dựng đô thị;

+ Cải tạo nâng cấp cầu Việt Trì hiện nay; xây dựng mới cầu qua sông Lô (phía Tây Bắc thành phố nằm trên tuyến đường xuyên Á).

b) Chuẩn bị kỹ thuật

- San nền: chọn cao độ nền xây dựng như sau:

+ Khu vực trong đô: tại các phường Thanh Miếu, Tiên Cát, Tân Dân, Dữu Lâu, Sông Lô và phần phía Nam xã Thụy Vân chọn cao độ nền lớn hơn hoặc bằng 13,5 m, tại khu vực Nông Trang, Minh Phương, Vân Cơ chọn cao độ nền lớn hơn hoặc bằng 18 - 25 m;

+ Tại khu công nghiệp phía Bắc xã

Thủy Vân chọn cao độ nền lớn hơn hoặc bằng 18 - 25 m;

+ Tại khu vực Đền Hùng chọn cao độ nền lớn hơn hoặc bằng 18 - 25 m;

+ Khu vực ngoài đê: chọn cao độ nền lớn hơn hoặc bằng 15 m; khu công nghiệp chọn cao độ nền lớn hơn hoặc bằng 17,5 m; phía Bắc phường Bạch Hạc chọn cao độ nền lớn hơn hoặc bằng 16,5 m; tại xã Sông Lô chọn cao độ nền lớn hơn hoặc bằng 16,5 m;

+ Khu vực ven đê: san nền cục bộ, tránh đào đắp lớn gây sạt lở.

- Thoát nước mưa

Chọn hệ thống thoát nước mưa riêng, hướng thoát nước chính dựa theo địa hình thoát ra ao, hồ sau đó thoát ra sông Lô và sông Hồng bằng các cống qua đê. Khi có lũ, cống qua đê đóng lại, sử dụng các trạm bơm Dữu Lâu, Minh Nông, Hạ Giáp, Tân Xuân để bơm nước ra sông.

c) Cấp nước

- Tổng nhu cầu dùng nước đến năm 2010 khoảng 60.000 m³/năm; đến năm 2020 khoảng 105.000 m³/năm.

- Nguồn nước: sử dụng nguồn nước mặt sông Lô. Tổng công suất các nhà máy nước đến năm 2020 là 109.000 m³/năm, gồm:

+ Nhà máy nước Việt Trì: công suất 100.000 m³/năm; theo đường ống 2Ø600 mm hiện có và xây dựng mới một đường

ống Ø700 mm, cấp cho thành phố Việt Trì;

+ Nhà máy nước Bạch Hạc: công suất 9.000 m³/năm, cấp cho phường Bạch Hạc;

- Mạng lưới đường ống: thiết kế theo mạng vòng và mạng nhánh.

d) Cấp điện

- Tổng công suất tiêu thụ điện đến năm 2010 khoảng 97.913 KW; đến năm 2020 khoảng 187.726 KW.

- Nguồn điện: trạm 500/220 KV Việt Trì, nguồn lưới điện quốc gia 500 KV dẫn trực tiếp từ thủy điện Sơn La về và nối trực tiếp với trạm 500 KV Sóc Sơn. Từ trạm 500 KV Việt Trì có các đường dây 220 KV nối với các trạm 220 KV Việt Trì và Yên Bái.

đ) Thoát nước bẩn và vệ sinh môi trường

- Tổng cộng lượng nước thải cần thu gom và xử lý đến năm 2010 khoảng 45.200 m³/năm; đến năm 2020 khoảng 73200 m³/năm.

- Các khu xử lý chất thải:

+ Chất thải rắn sinh hoạt đô thị xử lý tại 2 địa điểm: Khu xử lý hiện có tại xã Vân Phú - Phượng Lâu và Khu xử lý xây mới tại xã Phù Ninh;

+ Chất thải rắn công nghiệp được thu gom và xử lý riêng tại xã Trạm Thán, huyện Phù Ninh theo dự án được phê duyệt.

- Nghĩa trang:

+ Nghĩa trang hiện có ở xã Vân Phú chỉ để cất táng;

+ Nghĩa trang xây dựng mới tại vùng đồi xã Phù Ninh (17 ha), để hung táng, cất táng và điện táng.

7. Quy hoạch xây dựng đợt đầu và các chương trình dự án ưu tiên

- Cải tạo, nâng cấp các khu ở hiện có, xây dựng một số khu đô thị mới.

- Xây dựng công trình đầu mối gắn kết với đường xuyên Á và tuyến cao tốc quốc lộ 2 đi Hà Nội; nắn đoạn tuyến đường sắt qua trung tâm thành phố.

- Xây mới ga Thụy Vân (15 ha); xây dựng bến tàu khách Hùng Lô (1,5 ha); xây dựng cảng cạn (ICD) Thụy Vân.

- Nâng cấp bến xe khách phía Nam (1,5 ha); xây dựng bến xe tải phía Bắc giai đoạn I (2 ha) và bến xe tải phía Nam giai đoạn I (11 ha).

- Lập dự án xây dựng nghĩa trang mới tại vùng đồi xã Phù Ninh.

Điều 2. Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ có trách nhiệm:

- Phê duyệt hồ sơ thiết kế điều chỉnh

Quy hoạch chung thành phố Việt Trì đến năm 2020;

- Tổ chức việc thực hiện quy hoạch theo quy định của pháp luật và công bố để cộng đồng giám sát, kiểm tra thực hiện;

- Ban hành quy định về quản lý Quy hoạch chung xây dựng thành phố Việt Trì đến năm 2020;

- Phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan tổ chức lập, xét duyệt các quy hoạch chi tiết, quy hoạch xây dựng chuyên ngành, triển khai dự án đầu tư xây dựng phát triển đô thị theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ, Bộ trưởng Bộ Xây dựng và các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, các tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**

Nguyễn Tấn Dũng